

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2017/DS-ST

Ngày: 12-7-2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1./ Bà **Huỳnh Thị Châu**
2./ Bà **Nguyễn Thị Hợp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Và Kiu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 4, ngày 10 tháng 5 và ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2015/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2015; Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2017/QĐST- DS ngày 10 tháng 5 năm 2017 và thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 20 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hoàng Q** – sinh năm 1976

Nơi cư trú: Số 2180 Phạm Thế H, phường 6, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành V** – sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Số 109 khu phố 3, phường T, Tp. BH, tỉnh Đồng Nai. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2015*)

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H** – sinh năm 1994

Nơi cư trú: Số 294 khu 3, ấp H, xã HL, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh Q vắng mặt tại phiên tòa, anh Văn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thành V trình bày:

Do mối quan hệ quen biết thông qua một người bạn của chị H, vào ngày 18/5/2015, tại quán cà phê gần nhà chị H, anh Q đã cho chị H vay số tiền 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng). Khi cho vay giữa anh Q và chị H có lập giấy vay tiền với tiêu đề “*giấy mượn nợ*” ngày 18/5/2015 với nội dung anh Q cho chị H vay số tiền 81.000.000đ, mục đích vay để làm ăn và kinh doanh, không thỏa thuận lãi suất vay, thời hạn trả bắt đầu từ ngày 21/7/2015, mỗi tháng trả 10.000.000đ (mười triệu đồng). Nhưng đến thời hạn trả, chị H không trả tiền theo thỏa thuận. Nay anh Q yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho anh số tiền gốc 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng) và tiền lãi, từ ngày 18/5/2015 đến ngày 18/10/2015 là 05 tháng với lãi suất 1%/tháng, cụ thể số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là 4.050.000đ (81.000.000đ x 1%/tháng x 5 tháng).

Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán là: 85.050.000đ (tám mươi năm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn (chị H) trả lại cho nguyên đơn (anh Q) số tiền gốc là 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng). Anh không yêu cầu chị H trả tiền lãi

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án giấy mượn nợ đề ngày 18/5/2015 có nội dung “...*ngày 18 tháng 5 năm 2015 tôi có mượn của anh Nguyễn Hoàng Q số tiền tám mươi một triệu để làm ăn và kinh doanh. Tôi hẹn từ ngày 21/7/2015 cứ 10 ngày tôi trả 10 triệu, ký tên Nguyễn Thị Thu H*”.

Vào ngày 10/4/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Thành V có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn – chị Nguyễn Thị Thu H trên giấy mượn nợ đề ngày 18/5/2015.

Tại bản kết luận giám định số 194/KLGD, ngày 06/6/2017 của phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thu H tại phần mục ký tên trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định so với mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H không có bản tự khai, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng không đến tham gia phiên Tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án đúng với quy định của pháp luật Dân sự. Bị đơn không chấp hành, không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày về yêu cầu của nguyên đơn.

Tuy nhiên, Thẩm phán cần khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Anh Nguyễn Hoàng Q khởi kiện chị Nguyễn Thị Thu H căn cứ vào khoản 3 Điều 68 BLTTDS, Tòa án xác định chị Huyền là bị đơn. Anh Q cho chị H vay số tiền 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng), nhưng đến nay chưa thanh toán, cho rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm. Do vậy, anh Q khởi kiện yêu cầu chị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền 81.000.000đ. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay sản*” chị H hiện đang cư trú tại ấp H, xã HL, huyện TN thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 22/7/2015 chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh Q, ngày 04/11/2015 anh Q khởi kiện chị H tại Tòa án nhân dân huyện TN như vậy anh Q khởi kiện chị H tranh chấp hợp đồng vay tài sản là còn trong thời hiệu khởi kiện căn cứ điểm a khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, tòa án căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – anh Nguyễn Thành V thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất là 4.050.000đ). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu

khởi kiện và có lợi cho bị đơn theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Nguyễn Hoàng Q, yêu cầu bị đơn – chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng) thì thấy: Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy vay tiền với tiêu đề “*giấy mượn nợ*” ngày 18/5/2015. Tuy nhiên đối với tài liệu này, không được bị đơn thừa nhận cũng như không được công chứng, chứng thực nhưng tại bản kết luận giám định số 194/KLGD, ngày 06/6/2017 của phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thu H tại phần mục ký tên trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định so với mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 81.000.000 đồng tiền gốc là có thật, đến hạn trả nợ, bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền vốn gốc đã vay là 81.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 471 và 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng) cho anh Nguyễn Hoàng Q.

[4] Về án phí: Vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017, theo Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do đó cần áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí vụ án.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H là người có lỗi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $81.000.000đ \times 5\% = 4.050.000đ$ (bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận yêu cầu, xét, hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.126.250đ (hai triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu số 005372 ngày 04/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trong giấy vay tiền và đã nộp tiền lệ phí giám định là 2.520.000 đồng (hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng). Kết quả giám định chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Xét căn cứ vào khoản 1 Điều 161 và Khoản 1 Điều 162 BLTTDS năm 2015 cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng chi phí giám định là có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 161; khoản 1 Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2,3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 48.

Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Áp dụng Điều 471; Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005

+ Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

+ Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Nguyễn Hoàng Q về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn – chị Nguyễn Thị Thu H.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Nguyễn Hoàng Q số tiền nợ gốc là: 81.000.000đ (tám mươi một triệu đồng).

Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.050.000đ (bốn triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.126.250đ (hai triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng), theo biên lai thu số 05372 ngày 04/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Q tiền tạm ứng lệ phí giám định là 2.520.000đ (hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- THA huyện TN;
- VKS huyện TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang Phúc

